

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2025/DS-ST
Ngày 30 - 6 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng gia công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 Ông Nguyễn Hồng Khanh;

2 Ông Nguyễn Thế Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2024/TLST - DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng gia công*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST- DS ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Hoàng Trọng H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị H1, sinh năm 1993. Địa chỉ: Số A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt)

*** Bị đơn:** Ông Đoàn Minh L, sinh năm 1991 và bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1996. Cùng địa chỉ: Thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Hoàng Thị H1 trình bày trình bày:**

Năm 2023 vợ chồng ông Đoàn Minh L và bà Nguyễn Thị Thùy D (bị đơn) có thuê ông Hoàng Trọng H (nguyên đơn) làm gia công bàn ghế, dựng nhà chòi và một số công trình của quán cà phê G tại thửa đất số 11367 của bà Đoàn Thị H2 thuộc thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Tổng giá trị bàn ghế, đồ gỗ và tiền công của ông H là 49.600.000 đồng (*bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn*), vợ chồng ông L và bà D mới trả được 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*) đối với số tiền còn lại là 24.600.000 đồng (*hai mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*) thì ông L và bà D xin nợ lại. Đến tháng 8 năm 2024, bà H2 chuyển nhượng đất cho người khác nên ông L bà D cũng sang lại quán cà phê G cho chủ đất mới. Ngày 03/08/2024 ông Hoàng Trọng H và vợ chồng bà D ông L có tính toán lại các vật dụng và công trình đã làm và chốt lại số tiền còn nợ của ông Hoàng Trọng H là 24.600.000 đồng (*hai mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*) sau nhiều lần liên hệ đòi số tiền này thì bà D và ông L không chịu trả. Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk giải quyết buộc ông Đoàn Minh L và bà Nguyễn Thị Thùy D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hoàng Trọng H số tiền gia công còn nợ là 24.600.000 đồng (*hai mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng*)

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày:*

Vào tháng 5/2023, vợ chồng bà D và ông L có thuê ông H làm gia công bàn ghế gỗ, dựng nhà chòi và một số công trình của quán cà phê G (quán cà phê này do vợ chồng bà D thuê của bà Đoàn Thị H2). Khi thuê thì các bên không lập hợp đồng gì mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói với nhau, hai bên không thỏa thuận thời gian thực hiện mà khi ông H làm xong thì vợ chồng bà D mới thanh toán tiền gia công cho ông H, giá trị gia công khoán ban đầu tổng là 37.000.000 đồng, trong đó là 25.000.000 đồng tiền dựng nhà chòi (bà D đã thanh toán cho ông H) và 12.000.000 đồng làm bàn ghế gỗ, còn các công trình khác thì cân trừ sang số tiền mà ông H nợ do uống phê tại quán Gió của vợ chồng bà D là 7.000.000 đồng (việc này đã được vợ chồng bà D và ông H thỏa thuận xong). Vợ chồng bà D đã trả cho ông H xong 25.000.000 đồng tiền dựng nhà chòi (cũng là số tiền đặt cọc) và còn nợ lại ông H 12.000.000 đồng tiền làm bàn ghế gỗ.

Đến cuối tháng 10/2023 thì các hạng mục bàn ghế gỗ và nhà chòi hoàn tất, khi bàn giao thì vợ chồng bà D thấy các hạng mục trên không đảm bảo, cụ thể: bàn ghế gỗ không ngồi được và không phù hợp, nhà chòi thì bị mối mọt không đảm bảo, nên vợ chồng bà D có gọi ông H xuống để yêu cầu ông H sửa chữa lại các hạng mục trên, tuy nhiên ông H luôn hẹn nhiều lần và né tránh không thực hiện việc sửa chữa cho vợ chồng bà D.

Từ đó cho đến nay, gia đình vợ chồng bà D liên tục liên hệ ông H và vợ ông H là bà H3 để tiến hành sửa chữa đồng thời thanh toán toàn bộ số tiền còn lại là 12.000.000 đồng nhưng ông H đều im lặng và không làm việc với vợ chồng bà D. Đến tháng 5/2024, vì chủ đất là bà H2 có nhu cầu bán đất nên yêu cầu vợ chồng bà D hoàn trả nguyên hiện trạng thửa đất để bàn giao lại cho bà H2.

Đến ngày 03/8/2024, ông H có xuống làm việc với bà D để thanh toán số tiền 12.000.000 đồng còn lại, tuy nhiên ông H thông báo cho D biết vợ chồng bà D còn nợ lại số tiền 24.600.000 đồng, ông H chỉ nói miệng mà không đưa giấy tờ gì cho bà D cả, khi được thông báo số tiền 24.600.000 đồng thì bà D không đồng ý, vì số tiền đó không hợp lý và chỉ đồng ý trả số tiền 12.000.000 đồng nhưng ông H không đồng ý và đi về.

Đối với giấy biên nhận đặt hàng/phiếu chốt giá đề ngày 03/8/2024 do ông H xuất trình làm căn cứ khởi kiện thì bà không biết, chữ ký trong giấy biên nhận này đúng là của ông L nhưng việc ký kết này là của ông L và ông H, không liên quan đến bà D. Thời điểm ông L ký giấy biên nhận này thì không thông báo cho bà D, ngoài ra ông H cũng không ngồi lại thương lượng cũng như thông báo cho vợ chồng bà D biết về số tiền còn nợ lại là bao nhiêu. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của ông H yêu cầu vợ chồng bà D trả số tiền còn lại là 24.600.000 đồng thì bà D không đồng ý, vì chỉ còn nợ lại số tiền 12.000.000 đồng. nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với bị đơn là ông Đoàn Minh L thì sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và nhiều văn bản tố tụng khác để thông báo cho ông L biết tham gia tố tụng và có ý kiến đối với việc khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, trong suốt thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ông L đều vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của ông L.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 3, Điều 26, Điều a, Khoản 1, Điều 35, Điều a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 542, 544, 545, 547, 552 Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Trọng H.

- Buộc ông Đoàn Minh L và bà Nguyễn Thị Thùy D có trách nhiệm liên đới trả cho ông Hoàng Trọng H số tiền 24.600.000 đồng.

- Về án phí: ông Đoàn Minh L và bà Nguyễn Thị Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền: Nguyên đơn ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn vợ chồng ông L và bà D phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền mà nguyên đơn làm gia công cho bị đơn là 24.600.000 đồng nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là vụ án tranh chấp hợp đồng gia công và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn cư trú tại thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn ông Đoàn Minh L và bà Nguyễn Thị Thùy D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết và xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu ông L và bà D phải thanh toán cho ông H số tiền gia công còn nợ lại là 24.600.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn với bị đơn là bà D và tại giấy biên nhận đặt hàng/phiếu chốt giá đề ngày 03/8/2024 do ông H xuất trình làm căn cứ khởi kiện thì vào khoảng tháng 5/2023, vợ chồng bà D và ông L có thuê ông H làm gia công bàn ghế, dựng nhà chòi và một số công trình của quán cà phê G (quán cà phê này do vợ chồng bà D thuê của bà Đoàn Thị H2) với số tổng số tiền gia công là 49.600.000 đồng. Ông H đã thực hiện xong việc gia công và bàn giao sản phẩm gia công cho vợ chồng ông L và bà D sử dụng theo nội dung thỏa thuận giữa hai bên. Tuy nhiên, vợ chồng ông L và bà D mới chỉ thanh toán cho ông H được 25.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 24.600.000 đồng. Bà D cho rằng tổng số tiền gia công là 37.000.000 đồng (gồm 12.000.000 đồng tiền gia công nhà chòi là và 15.000.000 đồng là tiền gia công bàn ghế) nhưng không được phía nguyên đơn thừa nhận và bà D cũng không xuất trình được chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Tại giấy biên nhận đặt hàng/phiếu chốt giá đề ngày 03/8/2024 thể hiện vào ngày 03/8/2024 giữ ông H và ông L (chồng bà D) đã tính toán và chốt lại số tiền gia công là 49.600.000 đồng, sau khi khấu trừ số tiền đã thanh toán là 25.000.000 đồng thì vợ chồng ông L và bà D còn nợ lại số tiền 24.600.000 đồng.

Theo kết luận giám định số 547/KL-KTKS ngày 23/4/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ và lời khai của bà D thì chữ ký và chữ viết trong giấy này là của do ông L ký và viết ra. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền mà vợ chồng ông L và bà D còn nợ của ông H là 24.600.000 đồng. Vì bà D với ông L đang là vợ chồng với nhau và cả hai đều là người trực tiếp thuê ông H gia công để làm quán cà phê buôn bán kinh doanh, phát triển kinh tế của gia đình nên vợ chồng phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền này theo quy định tại Điều 27 và 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 là phù hợp.

[2.4] Xét thấy, số tiền nợ nêu trên đã được ông H đi đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông L và D không chịu trả cho ông H4 nên việc ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L và bà D trả nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, cần buộc ông L và bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền là 24.600.000 đồng, chia ra mỗi người phải trả 12.300.000 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, do ông L không có mặt để tham gia tố tụng nên nguyên đơn có đơn yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông L trong giấy biên nhận đặt hàng/phiếu chốt giá đề ngày 03/8/2024 và đã nộp 5.400.000 đồng tiền chi phí giám định. Do yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên ông L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông H số tiền này theo quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Đoàn Minh L và bà Nguyễn Thị Thùy D mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, với mức 12.300.000 đồng x 5% = 615.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn ông Hoàng Trọng H không phải chịu án phí dân sự thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 161, 227, 228, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 542, 543, 545, 546, 547 và 552 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Trọng H.

1. Buộc vợ chồng ông Đoàn Minh L và bà Nguyễn Thị Thùy D phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Hoàng Trọng H số tiền 24.600.000 đồng, chia ra mỗi người là 12.300.000 đồng (*Mười hai triệu, ba trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Đoàn Minh L có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Hoàng Trọng H số tiền 5.400.000 đồng (*Năm triệu, bốn trăm nghìn đồng*) chi phí giám định

3. Về án phí:

- Ông Đoàn Minh L và bà Nguyễn Thị Thùy D mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 615.000 đồng (*Sáu trăm mười lăm nghìn đồng*).

- Hoàn trả cho ông Hoàng Trọng H số tiền 615.000 đồng (*Sáu trăm mười lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2023/0006707 ngày 26/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quốc Định

